

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ THANH NÚA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học xã Thanh Nưa
Thanh Nưa Primary School

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử.

Địa chỉ trụ sở chính: Bản Tông Khao – xã Thanh Nưa – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0948210156

Email: thanhnuatruongth@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <https://ththanhnua.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng:

Cung cấp một môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho học sinh.

Giúp học sinh phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, đạo đức và tình cảm.

Chuẩn bị nền tảng vững chắc cho học sinh tiếp tục học tập ở bậc trung học cơ sở.

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình của học sinh trong nhà trường. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

4.2. Tầm nhìn:

Trở thành một trường tiểu học uy tín trong khu vực, cung cấp chất lượng giáo dục tốt nhất.

Giáo dục các em học sinh trở thành công dân toàn diện, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thúc đẩy sự sáng tạo, khám phá và học tập chủ động của học sinh.

4.3. Mục tiêu:

Cung cấp chương trình giảng dạy cân bằng, hiện đại và liên quan đến cuộc sống.

Xây dựng môi trường học tập tích cực, thân thiện và hỗ trợ sự phát triển của mỗi học sinh.

Trang bị cho học sinh những kỹ năng cần thiết như giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán và học tập suốt đời.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của cha mẹ và cộng đồng vào việc giáo dục các em.

Liên tục cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập thông qua nghiên cứu và đào tạo giáo viên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Lịch sử hình thành:

Trường Tiểu học xã Thanh Nưa là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện Điện Biên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên. Trường Tiểu học xã Thanh Nưa - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 25 tháng 9 năm 1996 theo Quyết định số 606/QĐ-UB-TC của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) về việc tách trường Phổ thông cơ sở xã Thanh Nưa thành trường Phổ thông trung học cơ sở xã Thanh Nưa, trường Tiểu học xã Thanh Nưa, trường mầm non xã Thanh Nưa. Trong những năm qua, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong huyện, là địa chỉ đáng tin cậy về chất lượng giáo dục. Đã có nhiều thầy cô đạt giải cao trong các hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng. Chất lượng học sinh có sự chuyển biến rõ nét qua từng năm học.

Trong những năm đầu, trường gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên.

Quá trình phát triển:

Từ năm 1997, trường dần được mở rộng với thêm nhiều lớp học và số lượng học sinh tăng lên.

Vào những năm 2000, trường được nâng cấp, xây dựng thêm nhiều phòng học, phòng chức năng và trang bị thêm các phương tiện dạy học hiện đại.

Với quyết tâm phấn đấu của thầy và trò Trường Tiểu học xã Thanh Nưa nhiều năm qua, nhà trường luôn đạt tập thể lao động tiên tiến được UBND huyện tặng Giấy khen; Công đoàn được Liên đoàn lao động tỉnh tặng Bằng khen. Chi bộ nhà trường liên tục là chi bộ trong sạch vững mạnh được Đảng ủy xã Thanh Nưa tặng giấy khen nhiều năm. Nhiều cá nhân hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh tặng Bằng khen, UBND huyện tặng Giấy khen. Tháng 10 năm 2001 Trường tiểu học xã Thanh Nưa được UBND tỉnh công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Xã Thanh Nưa đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 năm 2015; Xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2 năm 2015. Cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ nghiệp vụ quản lý và chuyên môn vững vàng luôn tâm huyết với nghề, nghiêm túc chấp hành quy chế chuyên môn, sáng tạo trong công việc là nền tảng vững chắc góp phần to lớn cho sự phát triển mạnh mẽ của nhà trường cũng như của địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Bùi Thị Kim Chi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học xã Thanh Nưa – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0948210156

Email: ngotrung71@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 606/QĐ-UB-TC ngày 25 tháng 9 năm 1996 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chia tách trường phổ thông cơ sở xã Thanh Nưa thuộc phòng Giáo dục huyện Điện Biên thành trường Phổ thông trung học cơ sở xã Thanh Nưa, trường Tiểu học xã Thanh Nưa, trường mầm non xã Thanh Nưa

b) Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc thay thế bổ sung thành viên Hội đồng Trường Tiểu học xã Thanh Nưa nhiệm kỳ 2021-2026.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý. Bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Thanh Nưa đối với bà Bùi Thị Kim Chi, kể từ ngày 15/09/2023. Thời gian giữ chức vụ được bổ nhiệm lại là 5 năm.

Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Thanh Nưa. Bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Thanh Nưa đối với bà Phạm Thị Hằng Thời gian giữ chức vụ được bổ nhiệm lại là 5 năm, kể từ ngày 15/03/2020.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Cơ cấu tổ chức:

Ban Giám hiệu: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Hội đồng trường: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, đại diện giáo viên, phụ huynh học sinh, đại diện địa phương

Tổ chuyên môn: Tổ 1, Tổ 2+ 3, Tổ 4 + 5, Tổ hành chính.

Chức năng:

Thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo trẻ em ở độ tuổi tiểu học.

Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho học sinh.

Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia.

Nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn:

Quyết định tổ chức, hoạt động của nhà trường theo quy định.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tài chính được giao.

Quyết định công tác tổ chức cán bộ, nhân sự của nhà trường.

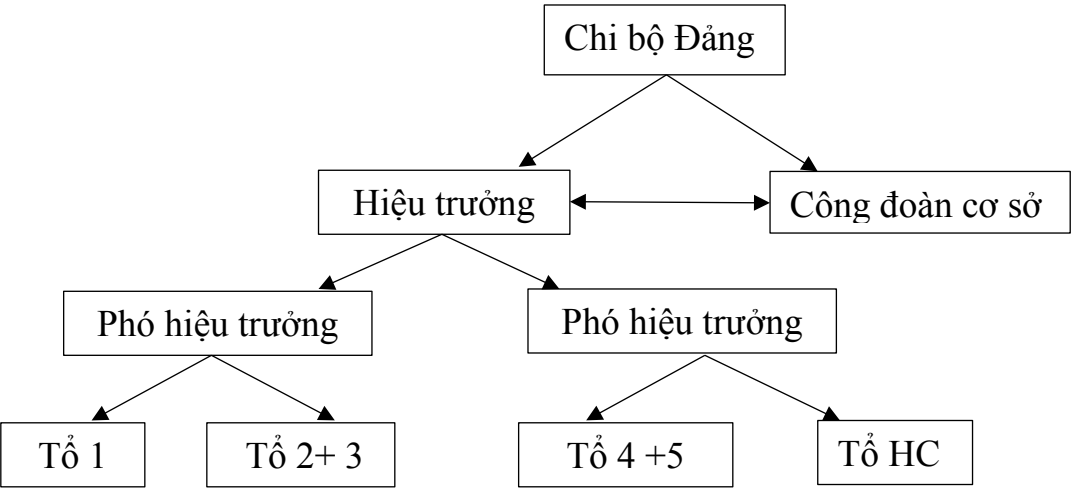
Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.

Khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục và triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng.

Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

1.1 Thống kê theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo, đạt chuẩn nghề nghiệp.

TT	Đội ngũ CBQL, GV	Số lượng	Trình độ				Chuẩn nghề nghiệp		
			Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Tốt	Khá	Đạt
1	VTVL lãnh đạo quản lý	2	2				2		
	Hiệu trưởng	1	1				1		
	Phó hiệu trưởng	1	1				1		
2	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành								
	Giáo viên tiểu học hạng I								
	Giáo viên tiểu học hạng II			12			2	9	1

	Giáo viên tiểu học hạng III				6		4	2	
	Giáo viên tiểu học hạng IV								
3	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
	Thư viện viên hạng IV	1		1					
	Kế toán viên trung cấp	1		1					
	Y sĩ hạng IV	1			1				

1.2 Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Cán bộ quản lý: $2/2 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

Giáo viên: $18/18 = 100\%$ hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính (Trung tâm)	Bản Tông Khao – huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên	5830,8	2561
Tổng cộng			5830,8	2561

Tất cả các hạng mục công trình có diện tích đều lớn hơn so với quy định ban hành kèm Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2. Các hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi...

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Diện tích theo quy định	Số phòng/khu	Diện tích các hạng mục hiện có (ghi rõ diện tích của từng hạng mục hiện có của nhà trường)
1	Khối phòng học tập				

1.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m ² /phòng	11	40m ² /phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	40 m ²
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	40m ²
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1,85m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng	01	40m ²
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	40m ²
1.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	40m ²
1.7	Phòng đa chức năng	1,50m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng	01	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường	01	40m ²
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng		01	24m ²
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng		01	16m ²
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh		01	24m ²
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	Trường hợp kết hợp với Phòng Đội Thiếu niên, diện tích tối thiểu 54m ² /phòng	01	
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người		01	40m ²
3.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng		01	16m ²
3.3	Nhà kho	48m ² /kho		02	65m ²
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường	01	60m ²
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh		02	60m ²
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh		01	1500m ²

4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh		01	500m ²
4.3		-			

3. Số thiết bị dạy học hiện có

STT	Tên Thiết bị	Số lượng
Thiết bị lớp 1		
1	Bộ TH Toán - Tiếng việt dành cho học sinh	33
2	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	
3	Bộ thiết bị dạy phép tính	
4	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	
5	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	42
6	Bộ mẫu chữ viết	2
7	Bộ chữ dạy tập viết	2
8	Bộ chữ học vần biểu diễn	1
9	Bộ Toán - Tiếng việt giáo viên	2
10	Video dạy các chữ thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt	0
11	Mô hình đồng hồ	22
12	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	12
13	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	0
14	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	1
15	Bộ tranh: Về phòng tránh xâm hại	0
16	Bộ tranh: Nghiêm trang khi chào cờ	1
17	Bộ tranh: Yêu gia đình (GV)	0
18	Bộ tranh: Yêu gia đình (HS)	0
19	Bộ tranh: Thật thà	0
20	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình	0
21	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	0
22	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	0
23	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	1
24	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	0
25	Bộ thẻ tranh các gương mặt cảm xúc cơ bản (GV)	0
26	Bộ thẻ tranh các gương mặt cảm xúc cơ bản (HS)	0

Thiết bị lớp 2		
27	Bộ đồ dùng học Toán dành cho học sinh	58
28	Bộ đồ dùng dạy Toán dành cho giáo viên	2
29	Bộ thiết bị dạy phép tính dành cho lớp 2,3	22
30	Mẫu chữ dạy Tập viết	2
31	Bộ chữ dạy tập viết	2
32	Hộp cân 5kg	0
33	Hộp cân 2kg	2
34	Tranh Tự Nhiên- Xã hội	1
35	Tranh Thủ công	0
36	Bộ dụng cụ hòa nhập	0
Thiết bị lớp 3		
37	Bộ mẫu chữ viết trong trường TH	2
38	Bộ mẫu chữ dạy Tập viết - Tranh giấy	1
39	Bộ chữ viết mẫu tên riêng	0
40	Bảng tiên chữ cái tiếng Việt	1
41	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	0
42	Thiết bị dạy diện tích	0
43	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	0
44	Bộ đồ dùng học Toán dành cho học sinh	38
45	Bộ đồ dùng dạy Toán dành cho giáo viên	2
46	Bộ thiết bị dạy phép tính dành cho lớp 2,3	22
47	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số lớp 3	15
48	Tranh Thủ công	0
49	Tranh Đạo đức	1
50	Tranh Tự Nhiên- Xã hội	2
51	Tranh Tiếng việt tập 1	0
52	Tranh Tiếng việt tập 2	0
53	La bàn	0
54	Ê-ke nhựa 30-40-50	10
55	Compa nhôm	4
56	Thước nhôm 0,5m	2
57	Thước nhôm 1m dẹp	8

58	Bảng cài từ tính (dùng cho GV)	2
59	Thiết bị trong dạy học về thời gian	0
60	Mô hình đồng hồ to	22
61	Mô hình đồng hồ nhỏ	0
62	Mô hình trái đất quay quanh mặt trời	2
Thiết bị lớp 4		
63	Bộ đồ dùng dạy Toán (dành cho giáo viên)	2
64	Bộ đồ dùng học toán (dành cho học sinh)	64
65	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học cho GV	0
66	Bảng mét vuông Toán (GV)	2
67	Bảng cài từ tính (dùng cho GV)	2
68	Ê-ke nhựa 30-40-50	10
69	Compa nhôm	4
70	Thước nhôm đẹp 1m	8
71	Thước nhôm đẹp 0,5m	2
72	Kính lúp	3
73	Nhiệt kế điện tử đo thân nhiệt	5
74	Tranh Tiếng việt - Tranh nhựa	0
75	Tranh Tập Làm Văn	0
76	Tranh Đạo đức	0
77	Tranh Khoa học	0
78	Tranh Lịch sử	2
79	Tranh Địa lý	2
80	Tranh Kể chuyện	0
81	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (GV)	2
82	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (HS)	46
83	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (GV)	2
84	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (HS)	14
Thiết bị lớp 5		
85	Bộ thiết bị dạy Toán (dùng cho giáo viên)	2
86	Bộ thực hành toán (dùng cho học sinh)	80
87	Tranh Tiếng Việt	0
88	Tranh kể chuyện	0

89	Tranh Lịch sử	0
90	Tranh Đạo đức	0
91	CD - Đạo đức	0
92	Tranh Khoa học	0
93	Tranh Địa lý	2
94	Ê-ke nhựa 30-40-50	10
95	Compa nhôm	4
96	Thước nhôm dẹt 1m	8
97	Thước nhôm dẹt 0,5m	2
98	Mô hình bánh xe nước	2
99	Bộ mẫu tơ sợi	28
100	Bộ lắp ráp mạch điện đơn giản	50
101	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (HS)	8
102	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật (GV)	2
103	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (GV)	2
104	Bộ dụng cụ, vật liệu cắt may, thêu (HS)	42
105	Quả cầu hành chính	3
Môn âm nhạc		
106	Đàn Organ	0
107	Đàn Piano	5
108	Kèn Melodion 37 phím	7
109	Trống nhựa nhỏ 2 mặt + dùi	2
110	Song loan	67
111	Thanh phách	50
112	Triangle (tam giác chuông)	6
113	Trống lục lạc	2
114	Bells Instrument	0
115	Maracas	0
116	Woodblock	0
117	Xylophone	0
118	Handbells	0
119	Mõ làm bằng gỗ + dùi	0
Thiết bị Mĩ thuật		

120	Bộ màu nghiên KT (21,8x44cm) Mỹ thuật	0
121	Hộp màu vẽ dùng cho GV	2
122	Đất nặn	10
123	Bút sáp màu	0
124	Giấy vẽ	20
125	Bảng vẽ cá nhân	0
126	Bảng vẽ nhóm	0
127	Bục đặt mẫu	2
Thiết bị Thể dục		
128	Bóng đá số 4	5
129	Bóng ném số 3	20
130	Bóng rổ số 5	0
131	Bóng nhừ da	0
132	Bóng chuyền số 3	0
133	Còi TDTT bằng nhựa	0
134	Còi TDTT bằng sắt	0
135	Dây nhảy cá nhân	20
136	Dây nhảy tập thể	3
137	Lá cờ tam giác	30
138	Cờ đuôi nheo	0
139	Vợt đánh cầu chình	29
140	Vợt cầu lông	0
141	Tấm ốp quyền	0
142	Giày ba ta	0
143	Quần áo thể thao	0
144	Lưới bóng đá	0
145	Lưới gôn bóng đá 7 người (cao 6m, rộng 2,20m)	0
146	Bộ cờ vua	2
147	Đồng hồ bấm giây	0
148	Đệm nhảy	0
149	Ghế băng Thể dục	0
150	Cột, bảng ném bóng rổ	1
151	Bộ cột đa năng	1

152	Cột bóng chuyên học sinh + lưới	1
153	Quả cầu đá 201	12
154	Cột, lưới đá cầu	0
155	Dây kéo co	2
156	Hoa	0
157	Vòng	0
158	Gậy	0
159	Năm thể thao	0
160	Bơm	0
161	Biển lật số	0
162	Đĩa nhạc tập bài tập thể dục VCD	0
163	CD - Audio thể dục	0
164	Bộ tranh về đội hình đội ngũ	1
165	Bộ tranh về các tư thế vận động cơ bản	5
Đồ dùng thí nghiệm		
166	Hộp đổi lưu	2
167	Hộp thí nghiệm vai trò ánh sáng	1
168	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	1
169	Bộ thí nghiệm sự giãn nở vì nhiệt độ của chất lỏng	1
170	Nhiệt kế	5
Thiết bị dùng chung		
171	Bảng nhóm bằng nhựa (0,4x0,6)m	2
172	Bảng nhóm bằng nhựa (400x600x0,5)mm	0
173	Bảng nhóm bằng nhựa (400x600x0,5)mm	0
174	Bảng phụ bằng nhựa (700x900x0,5)mm	2
175	Nam châm bọc sắt d=32	10
176	Nẹp treo tranh 60cm	35
177	Nẹp treo tranh 78cm	28
178	Nẹp treo tranh 85cm	25
179	Nẹp treo tranh 108cm	25
180	Nẹp treo tranh 115cm	18
181	Nẹp dẹp 83cm + 2 móc	0
182	Nẹp dẹp 108cm + 2 móc	0

183	Nẹp dẹp 101cm + 2 móc	0
184	Bục đặt mẫu	2
185	Con Rối	0
186	Bộ biên báo giao thông	0
187	Thước dây	0
188	Đài Cassette JSL	0
189	Loa di động	4
190	Máy chiếu vật thể	4
191	Thiết bị trợ giảng	0
	Cộng	3.390

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Tên sách	Lớp	Nhà xuất bản
1	Toán tập 1 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
2	Toán tập 2 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Việt tập 1 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
4	Tiếng Việt tập 2 (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
5	Tự nhiên và Xã hội (Kết nối tri thức)	1,2,3	Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TPHCM
9	Mĩ thuật (Kết nối tri thức)	1,2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TPHCM
12	Giáo dục thể chất (Kết nối tri thức)	2,3,4,5	Giáo dục Việt Nam
13	Giáo dục thể chất (Cánh diều)	1	ĐH Sư phạm TPHCM
14	Tiếng Anh (i-Learn Smart Start Student's Book)	1,2,3,4,5	ĐH Sư phạm TPHCM

15	Công nghệ (Kết nối tri thức)	3,4,5	Giáo dục Việt Nam
16	Tin học (Cùng khám phá)	3,4,6	Đại học Huế
17	Khoa học (Kết nối tri thức)	4,5	Giáo dục Việt Nam
18	Lịch sử và Địa lí (Kết nối tri thức)	4,5	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: *Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.*
- Mức độ đạt kiểm định: Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 8 tháng 4 năm 2017 đến ngày 8 tháng 4 năm 2022

2. Danh mục các tiêu chuẩn được kiểm định

TT	Tên tiêu chuẩn	Kết quả kiểm định
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý	Đạt mức 2
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	Đạt mức 2
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	Đạt mức 2
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	Đạt mức 2
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	Đạt mức 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ tuyển sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%
2	Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường	100%	100%

Tổng số học sinh theo từng khối lớp

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến
1	2	46	27	45	27	46	0	1	1
2	2	49	26	44	22	49		1	
3	2	65	37	61	34	65	1		5
4	2	68	30	64	29	68			
5	3	79	40	71	36	79	2	1	
Tổng	11	307	160	285	148	307	3	3	6

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; số lượng học sinh lên lớp, HS không được lên lớp (Có biểu chất lượng kèm theo)

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học:

$$100/100 \text{ HS} = 100\%$$

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Có biểu tài chính kèm theo

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Bùi Thị Kim Chi